

BÁO CÁO

V/v tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2022

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác triển khai thực hiện và kết quả việc thu thập thông tin về tình hình việc làm của sinh viên Đại học tốt nghiệp năm 2022.

I. Phương pháp và quy trình khảo sát

Căn cứ công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội triển khai khảo sát tình hình việc làm của sinh viên đại học tốt nghiệp năm 2022, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát, thông báo trên website Nhà trường và các kênh nội bộ (*Kế hoạch số 367/KH-ĐHCN ngày 21 tháng 8 năm 2023*). Thời gian khảo sát: từ ngày 20/8/2023 đến 06/10/2023.

- Phiếu khảo sát (*Phụ lục 1*).

- Phần mềm khảo sát việc làm sau 01 năm tốt nghiệp tích hợp trên trang đại học điện tử: <https://gv.hau.edu.vn>.

- Khảo sát trực tuyến dành cho sinh viên tốt nghiệp tại địa chỉ <https://khaosat.hau.edu.vn>.

- Cách thức khảo sát: gồm 2 cách, (i) sinh viên tốt nghiệp tham gia trả lời khảo sát trực tuyến tại <https://khaosat.hau.edu.vn>; (ii) các đơn vị đào tạo gọi điện lấy thông tin trả lời của sinh viên tốt nghiệp nhập trực tiếp vào hệ thống.

II. Kết quả khảo sát

1. Số mẫu khảo sát

- Số mẫu khảo sát: 6725 sinh viên tốt nghiệp năm 2022.

- Số phản hồi: 4643 sinh viên tốt nghiệp.

- Tỷ lệ phản hồi: $4643/6725 = 69,04\%$. Trong đó, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp phản hồi của từng ngành đào tạo đảm bảo số lượng theo yêu cầu Công văn số 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10 tháng 7 năm 2017.

2. Tỷ lệ có việc làm

- Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và đang học nâng cao trình độ: 4349

- Tỷ lệ có việc làm: $4349/4643 = 93,67\%$.

- Có 117 sinh viên tốt nghiệp (chiếm **2,52%** trên số phản hồi) đã từng có việc làm nhưng cho rằng công việc hoặc mức lương không phù hợp nên tại thời điểm khảo sát đang tạm thời nghỉ việc để tìm kiếm công việc khác.

Kết quả khảo sát cho thấy, một số ngành có tỷ lệ việc làm đạt 100% như: CNKT Máy tính, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Thiết kế thời trang; các ngành có tỷ lệ việc làm trên 98% như: CNKT Điện tử viễn thông, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Tài chính ngân hàng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Ngôn ngữ Hàn Quốc.

3. Tỷ lệ có việc làm phù hợp ngành đào tạo

- Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm: 4070

- Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành và liên quan đến ngành: 3488

- Tỷ lệ có việc làm phù hợp ngành đào tạo: $3488/4070 = 85,70\%$

Theo kết quả khảo sát, các ngành có tỷ lệ việc làm phù hợp với ngành đào tạo đạt trên 90% như: Quản trị kinh doanh, CNKT điện tử viễn thông, Ngôn ngữ Trung Quốc, Hệ thống thông tin, CNKT cơ khí, Quản trị nhân lực, Kỹ thuật phần mềm, Việt Nam học, Công nghệ thông tin, CNKT máy tính.

4. Khu vực làm việc

Có 4070 sinh viên tốt nghiệp làm tại các khu vực làm việc khác nhau, trong đó:

- Số doanh nghiệp tư nhân: 2773 chiếm tỷ lệ lớn **68,13%**

- Số doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài: 874 chiếm tỷ lệ **21,47%**

- Số khu vực nhà nước: 118 chiếm tỉ lệ nhỏ chỉ **2,90%**

- Số tự tạo việc làm: 305 chiếm tỷ lệ **7,49%**.

5. Thu nhập bình quân

Qua khảo sát thống kê cho thấy, mức thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp năm 2022 là: **10,27** triệu đồng/tháng. Trong đó:

- Trên 13 triệu: ngành Hệ thống thông tin. Đây là ngành có thu nhập cao nhất.

- Trên 12 triệu: các nhóm ngành lĩnh vực CNTT, máy tính như: CNKT máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, CNKT điện tử viễn thông, CNTT.

- Trên 11 triệu: ngành CNKT Nhiệt, CNKT Điều khiển và Tự động hóa, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, CNKT Cơ điện tử, Ngôn ngữ Hàn, Ngôn ngữ Trung.

Báo cáo tình hình việc làm theo ngành, danh sách sinh viên tốt nghiệp, danh sách sinh viên phản hồi *chi tiết tại mẫu 01, 02, 03 đính kèm.*

III. Kiến nghị của nhà trường

Qua kết quả khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2022, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Tiếp tục được tuyển sinh và tổ chức đào tạo các ngành/chương trình đào tạo trình độ Đại học với tổng chỉ tiêu và phân bổ chỉ tiêu theo năng lực đào tạo của Nhà trường đã báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thiết lập kênh cung cấp các thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp của các cơ sở giáo dục đào tạo khác để làm căn cứ đối sánh giữa các cơ sở đào tạo.

- Có cơ chế hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo, đóng góp trách nhiệm cho giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nhà sử dụng lao động và nhu cầu của xã hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TT&QHCT (đăng website);
- Lưu: VT, HTDN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Phạm Văn Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2022
Trình độ đào tạo: Đại học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm / tổng số SV phản hồi	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tur nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	7540204	Công nghệ dệt, may	186	183	155	152	75	37	28	5	10	93.55 %	6	68	21	45
2	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	298	4	197	2	40	96	30	10	21	89.34 %	1	66	13	86
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	520	4	278	2	153	86	15	11	13	95.32%	2	199	10	43
4	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	440	59	248	33	126	82	10	27	3	98.79 %	5	123	17	73
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	558	24	299	15	63	128	22	31	55	81.61 %	4	141	10	58
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	291	8	195	5	46	93	22	22	12	93.85 %	3	61	17	80
7	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	157	83	141	77	71	34	24	4	8	94.33 %	10	81	10	28
8	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	87	2	76	2	26	29	5	16		100%	1	32	15	12
9	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	22	4	22	4	11	4	6		1	95.45 %	3	14	1	3
10	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	126	2	104	1	36	40	22	1	5	95.19 %	1	57	19	21

11	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	468	2	285	2	82	100	51	24	28	90.18 %	2	137	18	76
12	7480201	Công nghệ thông tin	351	52	251	38	216	9	20		6	97.61 %	11	190	23	21
13	7540101	Công nghệ thực phẩm	76	65	76	65	28	24	19	2	3	96.05 %	2	48	7	14
14	7810101	Du lịch	74	59	65	51	22	16	21	4	2	96.92 %	1	48	5	5
15	7480104	Hệ thống thông tin	101	47	84	44	66	8	4	1	5	94.05 %	1	54	4	19
16	7340301	Kế toán	776	723	442	419	201	111	71	18	41	90.72 %	11	286	25	61
17	7480101	Khoa học máy tính	131	21	104	17	64	15	13	3	9	91.35 %	10	54	9	19
18	7340302	Kiểm toán	114	96	94	80	31	35	14	9	5	94.68 %	4	61	5	10
19	7310104	Kinh tế đầu tư	31	25	31	25	14	5	11		1	96.77 %		24	2	4
20	7480103	Kỹ thuật phần mềm	221	30	164	28	108	23	10	9	14	91.46 %	7	88	18	28
21	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	59	15	55	15	21	19	6	8	1	98.18 %	4	28	8	6
22	7340115	Marketing	60	55	58	53	25	22	6	3	2	96.55 %		45	5	3
23	7220201	Ngôn ngữ Anh	184	156	144	122	27	79	23	5	10	93.06 %	13	67	10	39
24	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	44	43	44	43	15	17	5	7		100%	1	12	1	23
25	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	114	109	99	95	20	61	4	12	2	97.98 %		19	4	62
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	125	109	100	88	38	45	15	1	1	99%	2	91	3	2
27	7810201	Quản trị khách sạn	99	91	85	79	13	36	12	20	4	95.29 %		60		1
28	7340101	Quản trị kinh doanh	536	429	343	289	236	41	27	20	19	94.46%	0	302	0	2
29	7340404	Quản trị nhân lực	137	124	112	103	85	13	7	1	6	94.64 %	1	97	1	6
30	7340406	Quản trị văn phòng	111	96	93	83	23	34	31	1	4	95.7 %	6	64	6	12
31	7340201	Tài chính - Ngân hàng	150	108	121	96	35	60	20	4	2	98.35 %	4	100	3	8

32	7210404	Thiết kế thời trang	37	35	37	35	15	17	5			100%	2	17	14	4
33	7310630	Việt Nam học	41	27	41	27	2	35	3		1	97.56 %		39	1	0
Tổng			6725	2890	4643	2190	2034	1454	582	279	294	93.67%	118	2773	305	874